

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 719/TTr-SNV ngày 14 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BCĐ CTHĐ 09 của Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

a) Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, bám sát mục tiêu, hoàn thành các chỉ tiêu theo Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy, Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động ban hành kèm theo Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và bổ sung các nội dung, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ, góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định năm 2023.

b) Nâng cao chất lượng, hiệu quả chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính; đổi mới tư duy và hành động sáng tạo trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

2. Yêu cầu

a) Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; lấy kết quả thực hiện làm thước đo để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực, hiệu quả công tác của tổ chức, cá nhân gắn với bình xét thi đua, khen thưởng để tạo động lực cho các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành tốt nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở quán triệt sâu sắc 07 quan điểm chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 để chủ động nghiên cứu, sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng giải pháp đổi mới trong tổ chức thực hiện làm khâu đột phá trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**1. Mục tiêu**

Tiếp tục xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh

bach. Tổ chức bộ máy nhà nước cơ bản tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phân cấp, ủy quyền hợp lý giữa chính quyền các cấp; chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động tổ chức bộ máy chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, chuyên nghiệp, liêm chính, chí công, vô tư.

2. Chỉ tiêu cụ thể

a) Kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) năm 2023 tiếp tục cải thiện hơn so với kết quả đánh giá năm 2022.

b) Đạt 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đảm bảo chất lượng theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản dưới luật hướng dẫn việc thực hiện.

c) Đạt 100% thủ tục hành chính nội bộ được công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương; rà soát và phê duyệt phương án đơn giản hoá đối với ít nhất 10% thủ tục hành chính nội bộ. Chuyển giao 100% thủ tục hành chính (trừ các thủ tục hành chính giải quyết trong ngày) thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận; triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, 100% Bộ phận Một cửa cấp huyện và 40% Bộ phận Một cửa cấp xã.

d) Đưa vào vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; đạt tỷ lệ 100% cán bộ cơ quan chính quyền cấp xã có trình độ đại học, được chuẩn hoá về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác; đạt trên 90% công chức cấp xã có trình độ đại học (không bao gồm cán bộ, công chức làm việc tại các xã miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo, xã đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

đ) Thực hiện sắp xếp, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, 100% đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo một phần chi thường xuyên có tỷ lệ tự chủ năm sau cao hơn năm trước. Trên 80% các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công được ban hành các quy định về danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập, định mức kinh tế - kỹ thuật; tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo thông tư hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương, phù hợp với tình hình hình thực tế của tỉnh.

e) Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hình thành Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh; 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh hoàn thành cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức; 80% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch của Ủy

ban nhân dân tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

Mỗi đơn vị cấp huyện xây dựng ít nhất 10% đơn vị hành chính cấp xã chuyển đổi số. Đạt 80% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp tỉnh, 70% đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 50% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

(Các chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo)

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) “*về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*”. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức với ba trụ cột chính: tổ chức bộ máy; công vụ, công chức; hành chính điện tử và chuyển đổi số.

b) Đổi mới phong cách chỉ đạo, điều hành và triển khai theo hướng “*làm gương, kỷ cương, trọng tâm, bút phá*”, trong đó ưu tiên dành 60 - 70% thời gian làm việc thực hiện công tác quản lý nhà nước theo lĩnh vực và địa phương, dành 30 - 40% thời gian tập trung nghiên cứu đổi mới, đề xuất ý tưởng sáng tạo phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tập trung giải quyết các nút thắt, điểm nghẽn, tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp, người dân phát triển kinh tế. Chủ động, tích cực nắm bắt tình hình, gặp gỡ, đối thoại, trao đổi với doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh để hỗ trợ đơn vị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị mở rộng sản xuất kinh doanh.

c) Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số PAPI, Chỉ số PCI, Chỉ số PAR Index và Chỉ số SIPAS của tỉnh năm 2023 so với các năm trước. Xây dựng và triển khai tích hợp Hệ thống công cụ đánh giá các Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh (DCCI), chỉ số đánh giá chuyển đổi số các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Nâng cao chất lượng kiểm tra thực hiện công tác cải cách hành chính, tăng cường kiểm tra đột xuất, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính của đơn vị, địa phương; thực hiện kiểm tra công vụ, xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với công chức, viên chức gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

đ) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy,

Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động ban hành kèm theo Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020-2025.

2. Cải cách thể chế

a) Tập trung nghiên cứu, rà soát đề ban hành, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định, cơ chế, chính sách do địa phương ban hành về phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ; phát triển nguồn nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài; văn hóa, thông tin, truyền thông, thể thao, y tế, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn...; kịp thời ban hành các quy định để xử lý các bất cập, các nội dung phát sinh từ thực tiễn, cần điều chỉnh để tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của trung ương.

b) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về Hiến pháp và pháp luật, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tiếp tục đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và công tác theo dõi thi hành pháp luật một cách hiệu quả, thiết thực, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về Hiến pháp và pháp luật.

c) Thực hiện đầy đủ quy định về công khai minh bạch các cơ chế chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; bảo đảm thực hiện quyền của Nhân dân tham gia thảo luận và kiến nghị với chính quyền về các vấn đề của cơ sở, địa phương và của tỉnh; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết, phản hồi ý kiến, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của Nhân dân.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính. Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan chính quyền trong việc chủ động nắm bắt và giải quyết nhu cầu, nhất là các nhu cầu mang tính thiết yếu liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng, cơ bản của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian, quy trình, giấy tờ giải quyết thủ tục hành chính; rà soát, xây dựng các quy chế phối hợp giải quyết liên thông các thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí, thời gian đi lại, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, nhất là trên lĩnh vực đầu tư, xây dựng, tài nguyên và môi trường.

b) Tập trung nghiên cứu, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 6958/UBND-KSTT ngày 21 tháng 11 năm 2022.

c) Tăng cường phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong công tác giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, nhất là xử lý nghiêm khắc các trường hợp nhiều lần giải quyết trễ hạn hồ sơ thủ tục hành chính theo danh sách công khai định kỳ hằng tháng của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Triển khai hiệu quả Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh” gắn với công tác số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 giai đoạn 2022 -2027” ban hành kèm theo Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; trong đó chú trọng nghiên cứu đổi mới, đa dạng hóa các mô hình, phong trào hoạt động của tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh các cấp nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

đ) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về lợi ích dịch vụ công trực tuyến để người dân hiểu rõ và thực hiện; hạn chế việc tiếp nhận hồ sơ trực tiếp đối với các thủ tục đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tiếp tục đẩy mạnh cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; thực hiện an toàn thông tin lưu trữ hồ sơ, giấy tờ điện tử có giá trị pháp lý cho người dân, doanh nghiệp.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Tiếp tục rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy, giảm đầu mối, khắc phục tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các sở, ngành, chính quyền các cấp. Thực hiện nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện; rà soát, giảm cơ chế phối hợp liên ngành hoạt động không hiệu quả, gắn với việc xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu.

b) Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng đối tượng, bảo đảm tỷ lệ và tiến độ theo kế hoạch đề ra giai đoạn 2022-2026.

c) Tập trung thực hiện có hiệu quả Đề án của Chính phủ về đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, bảo đảm chất lượng, hoạt động hiệu quả. Thực hiện việc chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

d) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Tiếp tục thực hiện các giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đạo đức công vụ, trách nhiệm, lương tâm, tuân thủ pháp luật, đồng hành với sự phát triển của tỉnh; nghiên cứu, hoàn thiện tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao bằng sản phẩm cụ thể và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

b) Thực hiện cải cách mạnh mẽ chế độ công vụ, công chức; tiếp tục đổi mới quy trình tuyển dụng công chức, quy trình công tác cán bộ để thu hút, bổ nhiệm, tuyển chọn cán bộ lãnh đạo quản lý một cách công khai, minh bạch, “thực tài” đáp ứng yêu cầu công tác cán bộ theo quy định của Trung ương.

c) Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2023-2025. Tập trung nâng cao chất lượng, năng lực quản lý nhà nước của đội ngũ cán bộ, công chức của chính quyền cấp cơ sở đáp ứng yêu cầu thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số.

d) Tăng cường thanh tra việc quản lý công chức, viên chức tại các sở, ngành, địa phương; thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát thực thi công vụ, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

6. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức ngoài công lập tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trên các lĩnh vực. Tập trung xây dựng, hoàn thiện Danh mục dịch vụ công, các quy định về khung giá dịch vụ sự nghiệp công, định mức kinh tế - kỹ thuật theo các quy định, hướng dẫn của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trong cung cấp các dịch vụ công trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra cải cách tài chính công gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

a) Tập trung triển khai kế hoạch phát triển thông tin, truyền thông và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành quy chế, quy định thay thế các quy chế, quy định về

ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh để có những quy định phù hợp cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b) Phát triển hạ tầng chuyển đổi số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây quy mô cấp tỉnh để tổ chức triển khai và quản trị tập trung các hệ thống cơ sở dữ liệu của các cấp, các ngành, tạo điều kiện thuận lợi phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở và dịch vụ số của tỉnh.

c) Xây dựng, nâng cấp các hệ thống cơ sở dữ liệu số của các ngành, trong đó ưu tiên sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; phát triển dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Bình Định (<https://opendata.binhdingh.gov.vn>) tạo điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số.

d) Xây dựng hệ thống Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh, tích hợp đầy đủ các dữ liệu về kinh tế, tài chính, đầu tư, tài nguyên đất, giá, dịch vụ... của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của tỉnh.

đ) Triển khai thực hiện Đề án cơ sở dữ liệu lưu trữ tài liệu điện tử giai đoạn 2023-2025. Duy trì, vận hành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); vận hành, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh được kết nối, liên thông qua LGSP: Hệ thống Văn phòng điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; từng bước mở rộng việc kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành Trung ương nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

e) Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ/đội thanh niên tình nguyện về dịch vụ công trực tuyến tại các địa phương; đẩy mạnh tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số cá nhân để thực hiện dịch vụ công trực tuyến; đảm bảo giá trị pháp lý của các văn bản điện tử như: hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục điện tử, bệnh án điện tử...

(Nội dung nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện các nội dung, chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. **Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thị xã, thành phố**

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng, ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế. Kế hoạch cần xác định cụ thể nhiệm vụ, thời gian hoàn thành, sản phẩm đạt được gắn liền với quy định trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc của người đứng đầu và nhiệm vụ triển khai thực hiện của tổ chức.

b) Tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ, đảm bảo chất lượng và tiến độ đối với các nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch này; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ quý, 06 tháng, năm về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính theo quy định.

c) Thực hiện tinh thần, thái độ làm việc thân thiện, chu đáo, tận tình, coi người dân, doanh nghiệp như khách hàng. Nghiêm cấm hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà người dân, doanh nghiệp; nếu có phát hiện thì phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định. Chủ động, tích cực nắm bắt tình hình, gặp gỡ, đối thoại, trao đổi với doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh để hỗ trợ đơn vị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị mở rộng sản xuất kinh doanh.

d) Kịp thời động viên, biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều nỗ lực, cố gắng, đổi mới, sáng tạo trong công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính. Không xếp loại mức độ hoàn thành tốt nhiệm vụ đối với các trường hợp đã có nhắc nhở, chấn chỉnh về việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hẹn trong năm 2022 nhưng chậm chuyển biến, tiếp tục tái phạm nhiều lần trong năm 2023.

2. Sở Nội vụ

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện Kế hoạch này. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tổ chức đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính; đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện thi đua khen thưởng trong công tác cải cách hành chính.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ kết quả thực hiện Kế hoạch này hàng quý, 06 tháng, cuối năm theo quy định; trong đó lưu ý, đánh giá thật cụ thể tình hình, kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 của Kế hoạch này.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính; tham mưu việc triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục

hành chính trên địa bàn tỉnh; tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với công tác đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua khen thưởng trong năm 2023, nhất là đối với hành vi giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hạn.

4. Sở Tài chính

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc đảm bảo kinh phí để triển khai chương trình, kế hoạch công tác cải cách hành chính của tỉnh; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị nội dung, định mức chi, phương thức quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính năm 2023 theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công; theo dõi, tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

5. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, công tác triển khai các nhiệm vụ xây dựng phát triển chính quyền điện tử của các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng Kế hoạch truyền thông về cải cách hành chính; chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Báo Bình Định, Đài Truyền thanh cấp huyện, cấp xã đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tiếp tục tập trung thực hiện cải cách thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư; đồng thời đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư các doanh nghiệp mới phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời gian tới.

b) Chủ động, tích cực nắm bắt tình hình, gặp gỡ, đối thoại, trao đổi với doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh để hỗ trợ đơn vị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị mở rộng sản xuất kinh doanh; đồng thời, đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư các doanh nghiệp mới phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời gian tới.

8. Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách hành chính; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. Trường hợp có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

**PHỤ LỤC 1
CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2023**

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu phần đầu năm 2023	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
1	Kết quả các chỉ số đánh giá hiệu quả cải cách hành chính của tỉnh			
1.1	Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (Par Index)	Nhóm Tốt Cải thiện vị trí so với năm 2022	Sở Nội vụ	Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện
1.2	Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh (SIPAS)	Cải thiện vị trí so với năm 2022	Sở Nội vụ	Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện
1.3	Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	Cải thiện vị trí so với năm 2022	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã
1.4	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Nhóm Tốt	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Các cơ quan chuyên môn thuộc

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
				tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện
1.5	Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI)	Cải thiện vị trí so với năm 2022	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện
2	Các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đảm bảo chất lượng theo quy định	100%	Sở Tư pháp	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND, HĐND cấp huyện, cấp xã
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thủ tục hành chính nội bộ được công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương	100%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã
3.2	Rà soát và phê duyệt phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của tỉnh	10%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã
3.3	Chuyển giao thủ tục hành chính (trừ các thủ tục hành chính giải quyết trong ngày) thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận	100%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Bưu điện tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
3.4	Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa các cấp		Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Bưu điện tỉnh, các sở, ngành thuộc tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã
	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	-		
	- Bộ phận Một cửa cấp huyện	100%		
	- Bộ phận Một cửa cấp xã	40%		
4	Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh	100%	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã
5	Cán bộ, công chức cấp xã			
5.1	Cán bộ cơ quan chính quyền cấp xã có trình độ đại học, được chuẩn hoá về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác	100%	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện, UBND cấp xã
5.2	Công chức cấp xã có trình độ đại học được chuẩn hoá về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác	90%	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện, UBND cấp xã
6	Đổi mới cơ chế hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập			
6.1	Số đơn vị sự nghiệp công lập tăng mức độ tự chủ so với giai đoạn trước	Có đơn vị sự nghiệp tăng mức độ tự chủ so với giai đoạn trước	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu phân đầu năm 2023	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
6.2	Các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công được ban hành các quy định về danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập, định mức kinh tế - kỹ thuật; tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công	80% (Tỷ lệ % số đơn vị đã thực hiện so với tổng số đơn vị đăng ký thực hiện chỉ tiêu này trong năm 2023)	Sở Tài chính	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh được giao nhiệm vụ tại Công văn số 7863/UBND-TH ngày 25/12/2022 của UBND tỉnh về rà soát, sửa đổi, xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật của tỉnh Bình Định
7	Chính quyền điện tử, chính quyền số			
7.1	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch của Ủy ban nhân dân tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	80%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Cục Thống kê	Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện
7.2	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	30%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
7.3	Số đơn vị hành chính cấp xã chuyển đổi số	10%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện; UBND cấp xã

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
7.4	Tỷ lệ lập hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng:		Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ
	- Các sở, ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	70%	-	-
	- Các phòng, ban và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.	60%	-	-
	- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.	40%	-	-
7.5	Dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến:		Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã và các đơn vị liên quan
	- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	60%		
	- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	35%		
	- Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	100%		
	- Tỷ lệ các trường đại học, cao đẳng, các bệnh viện từ hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí, học phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	50%		
	- Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của tỉnh được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	100%		
	- Tỷ lệ cập kết quả giải quyết điện tử đối với hồ sơ giải quyết TTHC.	100%		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 2
27 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2023**

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH				
1	Tổ chức tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2022 và triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tỉnh năm 2023	Hội nghị do Lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì	Sở Nội vụ;	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I
1.1	Công bố kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2022	Thông qua các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và Báo cáo phân tích Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2022;	Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	
1.2	Khen thưởng tổ chức, cá nhân đạt thành tích trong phong trào thi đua cải cách hành chính năm 2022	Quyết định và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng tổ chức, cá nhân đạt thành tích trong phong trào thi đua cải cách hành chính năm 2022	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	
2	Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành;	Quý I

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	hành chính tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025			UBND các huyện, thị xã, thành phố	
3	Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2023	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I
4	Kế hoạch truyền thông về cải cách hành chính năm 2023	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I
5	Quy định và Bộ Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh phù hợp với Bộ Chỉ số của Bộ Nội vụ và thực tiễn công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý II
6	Kế hoạch xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2023 đối với các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý III
7	Kế hoạch đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023	Báo cáo Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý II
8	Kế hoạch khảo sát đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2023	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý III
9	Ban hành “Quy định chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện các chỉ	Quyết định ban hành	Văn phòng UBND	Các sở, ban, ngành;	Quý II

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh”	Quy định của UBND tỉnh	tỉnh	UBND cấp huyện	
10	Triển khai các hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy năm 2023	- Báo cáo thực hiện nhiệm vụ của của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU; - Các cuộc họp định kỳ; hội nghị của Ban Chỉ đạo.	Sở Nội vụ	Các thành viên Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của tỉnh	Quý II; Quý IV
10.1	Kế hoạch sơ kết giữa nhiệm kỳ Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy	Kế hoạch của Ban Chỉ đạo	Sở Nội vụ	Các thành viên Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của tỉnh	Ban hành Kế hoạch Quý II
10.2	Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy năm 2023	Kế hoạch của Ban Chỉ đạo	Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của tỉnh	Các đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra; thành viên các Đoàn kiểm tra	Ban hành Kế hoạch Quý II
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
11	Ban hành các kế hoạch: Kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2023	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Quý I
12	Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện,	Quý I

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định			cấp xã	
III CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH					
13	Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	- Ban hành Kế hoạch: Quý I - Triển khai Kế hoạch: cả năm
14	Triển khai thực hiện Quyết định số 3979/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025	Quyết định của Chủ tịch của Ủy ban UBND tỉnh công bố TTHC nội bộ của các cơ quan thuộc UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch ban hành tại Quyết định số 3979/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND tỉnh
15	Kế hoạch thực hiện thí điểm việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	- Ban hành Kế hoạch: Quý III - Triển khai Kế hoạch: Quý IV
IV CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC					
16	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Quyết định ban hành Quy định của UBND tỉnh	Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Cả năm
17	Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức lại hệ thống đơn	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên	Cả năm

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	vị sự nghiệp công lập			quan	
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
18	Tuyển dụng công chức cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý II
19	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh giai đoạn 2023- 2025	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Thực hiện trong Quý I
20	Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, nhất là kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số cán bộ, công chức cấp xã	Đề án của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý I
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
21	Điều chỉnh Kế hoạch, lộ trình tại Quyết định số 4817/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định hiện hành	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Quý II
22	Quy định về Danh mục dịch vụ công; Quy định về khung giá dịch vụ sự nghiệp công lập theo các quy định, hướng dẫn của Trung ương	- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; - Quyết định của UBND tỉnh ban hành khung giá dịch vụ sự nghiệp công lập	Các sở, ngành; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Tài chính	Quý III
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ				

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
23	Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh bình Định giai đoạn 2023-2025	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Quý I
24	Đề án thực hiện kết nối trao đổi thông tin giữa cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký đất đai	Quyết định phê duyệt Đề án của UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin Truyền thông; Cục thuế tỉnh	Quý I
25	Đề án kho dữ liệu dùng chung	Quyết định phê duyệt Đề án của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Quý I
26	Ban hành danh mục thủ tục hành chính thực hiện thí điểm chỉ nhận hồ sơ trực tuyến	Quyết định ban hành Danh mục của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quý II
27	Đề án đẩy mạnh chuyển đổi số tại Văn phòng UBND tỉnh nhằm nâng cao công tác phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt Đề án của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý II
TỔNG CỘNG: 27 NHIỆM VỤ					